

**CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN VIỆC ỨNG DỤNG CÔNG CỤ
TRÍ TUỆ NHÂN TẠO CHAT GPT TRONG HỌC TẬP CỦA SINH VIÊN
KHOA KINH TẾ VÀ LUẬT TRƯỜNG ĐẠI HỌC BẠC LIÊU**

**FACTORS AFFECTING THE APPLICATION OF ARTIFICIAL
INTELLIGENCE TOOL CHAT GPT IN THE LEARNING OF
STUDENTS OF THE FACULTY OF ECONOMICS AND LAW,
BAC LIEU UNIVERSITY**

Bùi Thị Thu Lan, La Thùy Diễm*

Trường Đại học Bạc Liêu
*ltdiem@blu.edu.vn

Ngày nhận bài:

10/12/2024

Ngày chấp nhận đăng:

22/12/2024

Keywords: GPT chat
application, learning
behavior, student, Bac
Lieu university.

ABSTRACT

The appearance of ChatGPT has changed the learning behavior of many students. Therefore, without specific instructions on how to apply and use Chat GPT, overuse of Chat GPT or other AI can seriously affect the quality of learning. This study was conducted using qualitative and quantitative methods through a survey of students of the Faculty of Economics and Law in courses 15, 16, 17, 18 with a total of 170 samples to identify factors affecting the application of artificial intelligence tool Chat GPT in the learning of students of the Faculty of Economics and Law at Bac Lieu University. The research results show that there are 5 factors affecting the application of Chat GPT in the learning of students of the Faculty of Economics and Law at Bac Lieu University, including: Perception of ease of use, perception of usefulness, perception of accuracy, social influence, and student attitudes. In particular, the perceived ease of use factor has the strongest influence on the application of GPT Chat in the learning of students of the Faculty of Economics and Law, Bac Lieu University. Based on the research results, the next research direction can be to study solutions to help students of the Faculty of Economics, Bac Lieu University improve their understanding of the use of GPT chat technology in learning.

TÓM TẮT:

Sự xuất hiện của Chat GPT đã làm thay đổi hành vi học tập của rất nhiều sinh viên. Vì vậy, nếu không có những hướng dẫn cụ thể về cách ứng dụng, sử dụng Chat GPT thì việc quá lạm dụng Chat GPT hoặc các AI khác có thể làm chất lượng học tập bị ảnh hưởng nghiêm trọng. Nghiên cứu này được thực hiện bằng phương pháp định tính và định lượng thông qua khảo sát sinh viên khoa Kinh tế và Luật ở các khóa 15, 16, 17, 18 với tổng 170 mẫu nhằm nhận diện các nhân tố ảnh hưởng đến việc ứng dụng công cụ trí tuệ nhân tạo Chat GPT trong học tập của sinh viên khoa Kinh tế và Luật trường Đại học Bạc Liêu. Kết quả nghiên cứu cho thấy, có 5 yếu tố ảnh hưởng đến việc ứng dụng Chat GPT trong học tập của sinh viên khoa Kinh tế và Luật, trường Đại học Bạc

Từ khóa: ứng dụng Chat GPT, hành vi học tập, sinh viên, trường Đại học Bạc Liêu.

Liêu bao gồm: Cảm nhận về tính dễ sử dụng, cảm nhận về tính hữu ích, cảm nhận về tính chính xác, ảnh hưởng xã hội, thái độ của sinh viên. Trong đó, nhân tố cảm nhận về tính dễ sử dụng có ảnh hưởng mạnh nhất đến việc ứng dụng Chat GPT trong học tập của sinh viên khoa Kinh tế và Luật, trường Đại học Bạc Liêu. Dựa vào kết quả nghiên cứu hướng nghiên cứu tiếp theo có thể nghiên cứu các giải pháp giúp sinh viên khoa Kinh tế, trường Đại học Bạc Liêu nâng cao sự hiểu biết về việc sử dụng công nghệ chat GPT vào việc học.

1. Giới thiệu

Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang làm thay đổi sâu sắc ngành giáo dục và đào tạo. Những thành tựu mà trí tuệ nhân tạo AI và Chat GPT mang lại đã ảnh hưởng đến cách sinh viên tiếp cận thông tin và phương pháp học tập. Nếu trước đây chúng ta coi Google là công cụ tiên tiến nhất để tìm kiếm thông tin, thì giờ đây Chat GPT đã hoàn toàn có thể thay thế vị trí đó. Thay vì phải tìm kiếm và đọc nhiều nguồn tài liệu khác nhau, các bạn sinh viên có thể nhập dữ liệu mình cần vào Chat GPT và nhận được kết quả ngay lập tức. Ngoài ra sử dụng GPT để tạo ra các ý tưởng, bài viết và đề tài nghiên cứu có thể giúp sinh viên tiết kiệm thời gian tự suy nghĩ. Đặc biệt sinh viên có thể truy vấn Chat GPT bất kỳ câu hỏi nào liên quan đến bài học, bài tập hoặc kiến thức mà họ đang gặp khó khăn. Tận dụng Chat GPT để nhanh chóng tạo ra các ý tưởng ban đầu, khung bài viết hoặc đề tài nghiên cứu. Điều này giúp sinh viên tiết kiệm thời gian và tập trung vào các hoạt động nâng cao khác. Thêm vào đó, Chat GPT có khả năng diễn giải các khái niệm phức tạp theo cách đơn giản, rõ ràng và phù hợp với trình độ của sinh viên. Điều này giúp sinh viên nắm bắt kiến thức nhanh hơn và dễ dàng hơn, từ đó cải thiện hiệu quả học tập. Tuy nhiên chat GPT cũng mang đến những hệ lụy cho sinh viên chẳng hạn như: làm tăng vấn đề gian lận trong học tập, sinh viên các trường đại học có thể sử dụng Chat GPT tạo ra văn bản, viết mã trong lập trình máy tính, viết luận... mà thông thường những yêu cầu của bài tập này không có sự trợ giúp từ bên ngoài; tiếp theo là ảnh hưởng đến quá trình phát triển tư duy của người học do việc quá phụ thuộc vào Chat GPT có thể ảnh hưởng đến tư duy sáng tạo và khả năng tự nghĩ ra các ý tưởng hay cách giải quyết công việc. Do đó, sinh viên có thể mất đi khả năng tự học, tìm kiếm, phân tích và tổng

hợp thông tin, tư duy phản biện, giải quyết vấn đề, là điều vốn rất cần thiết cho sự thành công trong học tập và cuộc sống. Điều này có thể hạn chế khả năng sinh viên sáng tạo, phát triển quan điểm và tiếng nói của riêng mình, sinh viên có thể phụ thuộc quá nhiều vào công nghệ. Do đó việc nắm rõ các nhân tố ảnh hưởng đến việc ứng dụng công cụ trí tuệ nhân tạo Chat GPT trong học tập của sinh viên sẽ giúp sinh viên hiểu biết hơn khi sử dụng ứng dụng này để mang lại hiệu quả học tập tốt nhất.

Hiện tại chưa có nghiên cứu nào nghiên cứu đến các nhân tố ảnh hưởng đến việc ứng dụng công cụ trí tuệ nhân tạo Chat GPT trong học tập của sinh viên khoa Kinh tế và Luật trường Đại học Bạc Liêu, trong khi đó công nghệ 4.0 đã phát triển vượt bậc, công nghệ Chat GPT đã ngày càng thông dụng, do đó để sinh viên kịp thời hiểu biết chính xác hơn về ứng dụng Chat GPT trong học tập nhằm tránh các hệ lụy không mong muốn thì việc nghiên cứu đề tài “Các nhân tố ảnh hưởng đến việc ứng dụng công cụ trí tuệ nhân tạo Chat GPT trong học tập của sinh viên khoa Kinh tế và Luật, Trường Đại học Bạc Liêu” là vô cùng hữu ích và cần thiết, giúp sinh viên định hướng được những nhân tố ảnh hưởng của Chat GPT trong học tập cũng như khắc phục được các hệ lụy mà ứng dụng này mang lại nhằm nâng cao hiệu quả học tập của sinh viên.

2. Cơ sở lý thuyết

2.1. Công cụ Trí tuệ nhân tạo Chat GPT

Công cụ trí tuệ nhân tạo có tên Chat GPT (tên gọi đầy đủ là Chat Generative Pre-training Transformer), Chat GPT (chatbot) được mệnh danh là một trong những trí tuệ nhân tạo thông minh nhất thế giới. Nó giúp chúng ta trò chuyện, trả lời tất cả các câu hỏi ở mọi lĩnh vực. Ứng

dụng này có thể thay thế công cụ tìm kiếm thông tin trên google.

Theo Hana Trương (2023), Chat GPT được coi là một công cụ trợ giúp đắc lực cho việc học tập và việc giảng dạy. Nhờ những tính năng đa lĩnh vực, Chat GPT có thể giúp con người tiếp cận kiến thức từ rất nhiều nguồn thông tin khác nhau. Từ đó, giúp kích thích tư duy sáng tạo và mở rộng tầm nhìn của con người về thế giới.

Theo Nguyễn Thị Phước (2023) Chat GPT là một trong những công nghệ tiên tiến nhất trong lĩnh vực xử lý ngôn ngữ tự nhiên. Chat GPT hoạt động dựa trên cơ sở dữ liệu lớn, có khả năng tự sinh ra các văn bản mang tính học thuật cao. Chat GPT là công cụ hỗ trợ đắc lực trong việc dạy và học có thể giúp nâng cao hiệu quả giảng dạy và học tập.

Từ các khái niệm trên có thể thấy, Chat GPT là một mô hình ngôn ngữ dựa trên trí tuệ nhân tạo, nó có khả năng xử lý ngôn ngữ và dữ liệu hỗ trợ trong việc học tập và các lĩnh vực khác nhau.

2.2. Tổng quan nghiên cứu

Greeni Maheshwari (2023) đã thực hiện nghiên cứu *“Các yếu tố ảnh hưởng đến ý định chấp nhận và sử dụng Chat GPT của sinh viên trong giáo dục đại học: Nghiên cứu trong bối cảnh Việt Nam”*. Đây là một trong những nghiên cứu thực nghiệm đầu tiên về việc sử dụng Chat GPT tại châu Á. Kết quả nghiên cứu cho thấy tính dễ sử dụng, hữu ích, cá nhân hóa và tương tác đều tác động đáng kể đến thái độ và hành vi của sinh viên đối với Chat GPT. Trong đó, tính dễ sử dụng có ảnh hưởng tích cực đến ý định sử dụng, các sinh viên có xu hướng chấp nhận và sử dụng Chat GPT nhiều hơn khi họ thấy thuận tiện và thân thiện với người dùng.

Nghiên cứu của Kung và các cộng sự (2022) đã chứng minh sự hiệu quả của Chat GPT trong việc hỗ trợ các thí sinh tham gia kỳ thi cấp phép y khoa tại Hoa Kỳ. Chat GPT không chỉ cung cấp câu trả lời chính xác mà còn giải thích tường tận về các khái niệm y khoa phức tạp, giúp các thí sinh hiểu sâu hơn về các vấn đề y học. Điều này mở ra tiềm năng để tạo ra các tài liệu học tập

tương tác và phong phú, giúp sinh viên tự học một cách hiệu quả hơn.

Nghiên cứu của Phạm Thị Thanh Trúc (2024) đã thực hiện đề tài nghiên cứu *“Các yếu tố ảnh hưởng đến việc ứng dụng Chat GPT trong học tập của sinh viên khối ngành Kinh tế, Luật”*. Kết quả nghiên cứu cho thấy, có 4 yếu tố ảnh hưởng đến việc ứng dụng Chat GPT vào học tập của sinh viên, gồm: Kỳ vọng khả năng thực hiện; Ảnh hưởng xã hội; Tính chính xác; Thái độ của sinh viên. Trong đó, yếu tố Thái độ kỳ vọng khả năng thực hiện của sinh viên có tác động mạnh nhất đến việc ứng dụng Chat GPT trong học tập của sinh viên khối ngành Kinh tế, Luật.

Thái Thị Cẩm Trang (2023) đã thực hiện nghiên cứu nhằm đánh giá mức độ làm quen và ứng dụng Chat GPT của sinh viên sư phạm tiếng Anh tại Trường Đại học Sư phạm Hà Nội. Kết quả cho thấy, hầu hết sinh viên được khảo sát đều đã nghe nói đến Chat GPT và một số đã sử dụng nó cho mục đích học tập.

Nguyễn Thị Liệu (2024) đã thực hiện đề tài nghiên cứu *“Phân tích một số nhân tố về mục đích và thái độ của sinh viên trong việc sử dụng trí tuệ nhân tạo Chat GPT”*. Kết quả cho thấy sự phổ biến rộng rãi của Chat GPT trong cả học tập và nghiên cứu đối với sinh viên với mục đích chính là giải đáp thắc mắc và tra cứu thông tin. Nghiên cứu cũng chỉ ra rằng phần lớn sinh viên đã có thái độ tích cực đối với việc sử dụng công cụ này, thể hiện qua sự hứng thú, sẵn lòng tiếp thu và đánh giá cao về lợi ích mà Chat GPT mang lại.

Qua phần tác giả tổng hợp ở trên, có thể thấy có khá nhiều các công trình nghiên cứu liên quan đến ảnh hưởng của Chat GPT đối với học tập của sinh viên. Một vài nghiên cứu đã chứng minh được hiệu quả của Chat GPT trong việc hỗ trợ sinh viên khi tham gia các kỳ thi, đánh giá mức độ làm quen với ứng dụng Chat GPT của sinh viên, nghiên cứu thái độ của sinh viên đối với Chat GPT (như nghiên cứu của Kung và các cộng sự, 2022; Thái Thị Cẩm Trang, 2023; Nguyễn Thị Liệu, 2024). Về phương pháp nghiên cứu theo nhận định của tác giả thì hầu

hết các nghiên cứu đều sử dụng phương pháp định lượng, mang lại kết quả đáng tin cậy và có ý nghĩa cao. Tuy nhiên, nghiên cứu của Greeni Maheshwari, 2023 được thực hiện trên phạm vi khá rộng mang tính khái quát dẫn đến kết quả nghiên cứu chưa phù hợp với một phạm vi cụ thể như của một trường hoặc hẹp hơn là của một khoa thuộc một trường cụ thể. Ngoài ra nghiên cứu của Phạm Thị Thanh Trúc, 2024 thì chỉ dựa vào các công trình nghiên cứu trước đây để đưa ra mô hình nghiên cứu không dựa trên lý thuyết nền cụ thể, điều này dẫn đến việc một số nhân tố trong mô hình đôi khi không phù hợp với phạm vi nghiên cứu, hơn nữa nghiên cứu này đưa ra hàm ý quản trị đối với nhà trường nhưng không cụ thể đối với sinh viên vì đối tượng sử dụng trực tiếp là sinh viên cho nên việc đưa ra hàm ý quản trị của nghiên cứu này còn thiếu sót. Hiện nay, chưa có nghiên cứu nào thực hiện nhận diện các nhân tố ảnh hưởng đến việc ứng dụng công cụ trí tuệ nhân tạo Chat GPT trong học tập của sinh viên khoa Kinh tế và Luật, trường Đại học Bạc Liêu, đồng thời nhóm tác giả đã dựa trên các công trình nghiên cứu trước đó, ngoài việc kế thừa những lý thuyết nền tảng đã được chứng minh, qua đó xây dựng nên kết quả nghiên cứu này áp dụng cho một phạm vi

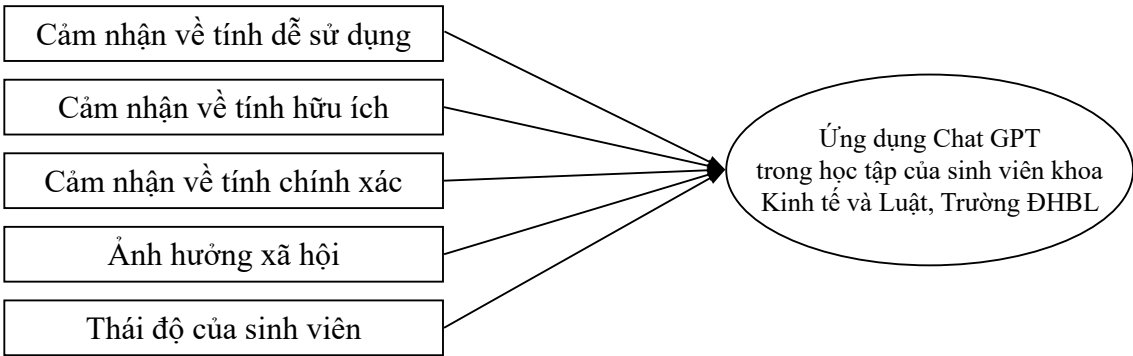
khoa của một trường đại học cụ thể, bổ sung những hàm ý quản trị còn thiếu để tạo tiền đề cho các công trình nghiên cứu tiếp theo. Do vậy, việc nhóm tác giả thực hiện đề tài nghiên cứu này là vô cùng cần thiết đối với sinh viên, nhà trường, định hướng cho các công trình nghiên cứu tương tự tiếp theo.

2.3. Mô hình nghiên cứu

Nghiên cứu đã dựa vào các lý thuyết như: Lý thuyết mô hình chấp nhận công nghệ (TAM), lý thuyết lan truyền sự đổi mới IDT, lý thuyết hợp nhất về chấp nhận và sử dụng công nghệ (UTAUT). Ngoài ra, nhóm tác giả còn dựa trên một số mô hình nghiên cứu kế thừa từ các công trình nghiên cứu trước đây và từ việc tham khảo ý kiến các chuyên gia là các giảng viên khoa Kinh tế và Luật để đề xuất mô hình nghiên cứu và các giả thuyết nghiên cứu.

Mô hình bao gồm 5 nhân tố ảnh hưởng đến việc ứng dụng công cụ trí tuệ nhân tạo Chat GPT trong học tập của sinh viên khoa Kinh tế và Luật, Trường Đại học Bạc Liêu. Nhóm nhân tố này đo lường bằng sự tự đánh giá của sinh viên với 27 biến được đo bằng thang đo Likert 5 mức độ (1: Rất không đồng ý đến 5: Rất đồng ý).

Hình 1: Mô hình nghiên cứu



Nguồn: Nhóm tác giả đề xuất

Dựa trên mô hình nghiên cứu đề xuất, các nghiên cứu liên quan nhóm tác giả đặt ra các giả thuyết nghiên cứu như sau:

H1: Cảm nhận về tính dễ sử dụng tác động cùng chiều lên việc ứng dụng công cụ trí tuệ nhân tạo Chat GPT trong học tập của sinh

viên khoa Kinh tế và Luật, Trường Đại học Bạc Liêu.

H2: Cảm nhận về tính hữu ích tác động cùng chiều lên việc ứng dụng công cụ trí tuệ nhân tạo Chat GPT trong học tập của sinh viên khoa Kinh tế và Luật, Trường Đại học Bạc Liêu.

H3: Cảm nhận về tính chính xác tác động cùng chiều lên việc ứng dụng công cụ trí tuệ nhân tạo Chat GPT trong học tập của sinh viên khoa Kinh tế và Luật, Trường Đại học Bạc Liêu.

H4: Ảnh hưởng xã hội tác động cùng chiều lên việc ứng dụng công cụ trí tuệ nhân tạo Chat GPT trong học tập của sinh viên khoa Kinh tế và Luật, Trường Đại học Bạc Liêu.

H5: Thái độ của sinh viên tác động cùng

chiều lên việc ứng dụng công cụ trí tuệ nhân tạo Chat GPT trong học tập của sinh viên khoa Kinh tế và Luật, Trường Đại học Bạc Liêu.

2.4. Xây dựng thang đo

Thang đo trong nghiên cứu được sử dụng dựa vào các lý thuyết nền, các nghiên cứu trước đây và tham khảo ý kiến từ các chuyên gia. Các thang đo này được điều chỉnh và bổ sung sao cho phù hợp với tình hình thực tế tại khoa Kinh tế và Luật, Trường Đại học Bạc Liêu.

Bảng 1. Thang đo trong nghiên cứu

	Mã hóa	Biến quan sát
Cảm nhận về tính dễ sử dụng	DSD1	Sinh viên dễ dàng sử dụng Chat GPT.
	DSD2	Chat GPT khi gặp phải lỗi sinh viên có thể dễ dàng xử lý.
	DSD3	Sinh viên có thể sử dụng Chat GPT linh hoạt trong nhiều tình huống.
	DSD4	Sinh viên cảm thấy sử dụng Chat GPT dễ hơn các công cụ AI khác.
	DSD5	Các hướng dẫn của Chat GPT rõ ràng và dễ hiểu.
Cảm nhận về tính hữu ích	HI1	Chat GPT giúp sinh viên tìm kiếm tài nguyên học tập phong phú, chất lượng.
	HI2	Chat GPT giúp sinh viên hoàn thành các môn học một cách hiệu quả.
	HI3	Chat GPT giúp sinh viên hoàn thành bài học một cách nhanh chóng.
	HI4	Chat GPT giúp sinh viên giảm chi phí cho việc tìm tài liệu so với cách truyền thống.
	HI5	Chat GPT hỗ trợ sinh viên giải quyết các câu hỏi khó.
Cảm nhận về tính chính xác	CX1	Chat GPT cung cấp cho sinh viên các câu trả lời chính xác.
	CX2	Chat GPT cung cấp cho sinh viên thông tin đáng tin cậy ở nhiều lĩnh vực khác nhau.
	CX3	Chat GPT cung cấp cho sinh viên những số liệu thống kê, ví dụ chính xác.
	CX4	Chat GPT giúp sinh viên hiểu chính xác về các lý thuyết và khái niệm.
	CX5	Chat GPT phân tích và đánh giá trong nhiều ngôn ngữ khác nhau một cách chính xác.
Ảnh hưởng xã hội	XH1	Sinh viên sử dụng Chat GPT sau khi nhận được nhiều phản hồi tích cực từ những người xung quanh.
	XH2	Sinh viên sử dụng chat GPT vì bạn bè xung quanh sử dụng.
	XH3	Sinh viên sử dụng Chat GPT vì người thân sử dụng.
	XH4	Cuộc cách mạng công nghệ ảnh hưởng đến ý thức sử dụng Chat GPT của sinh viên.
Thái độ của sinh viên	TĐ1	Chat GPT mang lại sự thoải mái và tự tin trong học tập của sinh viên.
	TĐ2	Sử dụng Chat GPT để tăng hứng thú và động lực học tập của sinh viên.
	TĐ3	Chat GPT mang lại trải nghiệm tích cực trong học tập của sinh viên.
	TĐ4	Chat GPT giúp sinh viên chủ động học tập.

Ứng dụng Chat GPT trong học tập của sinh viên	UD1	Sinh viên thường xuyên ứng dụng Chat GPT trong học tập.
	UD2	Ứng dụng Chat GPT góp phần cải thiện kết quả học tập của sinh viên.
	UD3	Ứng dụng Chat GPT góp phần cải thiện hiệu suất học tập của sinh viên.
	UD4	Sinh viên ứng dụng Chat GPT như một công cụ học tập.

Nguồn: Kết quả nghiên cứu của nhóm tác giả

3. Phương pháp nghiên cứu

3.1. Phương pháp thu thập và xử lý số liệu

3.1.1. Nghiên cứu định tính

Nhóm tác giả thực hiện tóm lược các nghiên cứu trước đây và nhận diện những nhân tố ảnh hưởng đến việc ứng dụng công cụ trí tuệ nhân tạo Chat GPT trong học tập của sinh viên và các thang đo, từ đó tác giả phỏng vấn ý kiến chuyên gia thông qua phương pháp thảo luận tay đôi dựa trên dàn bài đã lập sẵn. Nhóm tác giả đã tiến hành lấy ý kiến của 10 chuyên gia là giảng viên khoa Kinh tế và Luật.

Kết quả khảo sát ý kiến chuyên gia giúp nhận diện, bổ sung và điều chỉnh các thang đo. Đây chính là cơ sở để nhóm tác giả phát triển bản nháp của bảng câu hỏi khảo sát. Từ bước này, với bảng câu hỏi được xây dựng, tác giả tiến hành khảo sát thử 20 đối tượng là sinh viên khoa Kinh tế và Luật nhằm phát hiện những câu từ khó hiểu hoặc dễ gây hiểu lầm, xác định tính phù hợp của nội dung các câu hỏi, phát hiện những sai sót của bản nháp, từ đó cho ra sản phẩm là bảng khảo sát hoàn chỉnh.

3.1.2. Nghiên cứu định lượng

Nghiên cứu định lượng với công đoạn khảo sát chính thức để thu về kết quả. Với kết quả khảo sát thu được, nhóm tác giả tiến hành kiểm định hệ số Cronbach's Alpha, phân tích nhân tố khám phá EFA và phân tích hồi quy, trên cơ sở đó nhóm tác giả phân tích kết quả và đưa ra kết luận, giải pháp.

3.1.3. Phương pháp xử lý số liệu

Sau khi tiến hành khảo sát và thu thập dữ liệu, dữ liệu được thống kê bằng phần mềm Excel. Sau đó, dữ liệu được đưa vào phần mềm SPSS 20 để hỗ trợ tính toán số liệu thống kê mô tả, kiểm định hệ số Cronbach's Alpha, phân tích nhân tố khám phá EFA và chạy hồi quy tuyến tính.

3.2. Phương pháp chọn mẫu

Theo Hoàng Trọng và Chu Nguyễn Mộng Ngọc (2008) đối với kỹ thuật phân tích nhân tố, kích cỡ mẫu phải bằng 4 hay 5 lần số biến trong phân tích nhân tố, với 27 biến quan sát của nghiên cứu thì cỡ mẫu là 135 mẫu. Tuy nhiên, để phân tích hồi quy một cách tốt nhất theo Tabachnich & Fidell (1996) (Trích bởi Nguyễn Đình Thọ, 2011) thì cỡ mẫu tối thiểu cần đạt được tính bằng công thức $n \geq 50 + 8m$ (m: số biến độc lập), với 5 biến độc lập của nghiên cứu thì cỡ mẫu tối thiểu là 90. Trong nghiên cứu này, nhóm tác giả sẽ chọn kích thước mẫu đủ lớn để thỏa mãn cả 2 điều kiện trên là 150 để đảm bảo cỡ mẫu như mong muốn và loại trừ những câu trả lời không hợp lệ thì nhóm tác giả khảo sát mẫu là 170.

Mẫu số liệu được thu thập theo phương pháp lấy mẫu thuận tiện và đối tượng khảo sát là sinh viên các khóa của khoa Kinh tế và Luật, Trường Đại học Bạc Liêu.

4. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

4.1. Thống kê mô tả

Số mẫu khảo sát thu về là 170 mẫu của sinh viên khoa Kinh tế và Luật, Trường Đại học Bạc Liêu. Trong đó, khóa 15 chiếm 23,4%, khóa 16 chiếm 35,2%, khóa 17 chiếm 27,1%, khóa 18 chiếm 14,3%.

4.2. Kiểm định độ tin cậy của thang đo

Theo Nunnally và Burnstein (1994): Cronbach's Alpha $\geq 0,60$: chấp nhận được về mật độ tin cậy, Cronbach's Alpha trong đoạn $[0,70 - 0,90]$: tốt, Cronbach alpha $> 0,90$: chấp nhận được nhưng không được đánh giá tốt. Nếu một biến đo lường có hệ số tương quan biến tổng (hiệu chỉnh) $\geq 0,30$ thì biến đó đạt yêu cầu. Trong nghiên cứu này khi kiểm định Cronbach's Alpha ta có kết quả như sau:

Bảng 2: Hệ số Cronbach's Alpha của thang đo

Biến	Hệ số Cronbach's Alpha
Cảm nhận về tính dễ sử dụng	0,844
Cảm nhận về tính hữu ích	0,822
Cảm nhận về tính chính xác	0,791
Ảnh hưởng xã hội	0,848
Thái độ của sinh viên	0,805
Ứng dụng Chat GPT trong học tập của sinh viên khoa Kinh tế và Luật, Trường Đại học Bạc Liêu.	0,779

Nguồn: Tổng hợp của nhóm tác giả từ SPSS

Như vậy, tất cả các biến độc lập và phụ thuộc đều có hệ số Cronbach's Alpha trong đoạn [0,70 - 0,90] và từng biến quan sát trong thang đo đều có hệ số tương quan biến tổng (Corrected Item-Total Correlation) > 0,3. Do đó, các biến quan sát trong thang đo phù hợp để tiếp tục phân tích nhân tố khám phá (EFA).

4.3. Phân tích nhân tố khám phá EFA

Kiểm định Bartlett (kiểm định tương quan biến): Nếu phép kiểm định Bartlett có Sig < 0,05 ma trận tương quan là ma trận đơn vị 1 nghĩa là các biến có quan hệ lẫn nhau (Nguyễn Đình Thọ, 2011).

Kiểm định KMO: là chỉ số dùng để so sánh độ lớn của hệ số tương quan giữa các biến đo lường và độ lớn của hệ số tương quan riêng phần của chúng (Nguyễn Đình Thọ, 2011). Theo Kaiser thì KMO $\geq$ 0,50.

Theo Gerbing & Anderson (1988), Eigenvalue > 1 và được chấp nhận khi tổng phương sai trích $\geq$ 50% (Nguyễn Đình Thọ, 2011).

4.3.1. Phân tích nhân tố khám phá thang đo các nhân tố ảnh hưởng đến việc ứng dụng Chat GPT trong học tập của sinh viên khoa Kinh tế và Luật, Trường Đại học Bạc Liêu.

***Kiểm định KMO và Bartlett's Test**

Bảng 3. Kiểm định KMO và Bartlett's Test cho các biến độc lập

KMO		0,693
Bartlett's Test of Sphericity	Approx. Chi-Square	1346,218
	Df	210
	Sig.	0,000

Nguồn: Tổng hợp của nhóm tác giả từ SPSS

Kiểm định KMO và Bartlett's Test kết quả cho thấy Sig = 0,000 và KMO = 0,693 thỏa mãn các điều kiện đề ra. Điều này chứng tỏ các biến quan sát có tương quan tuyến tính với nhân tố đại diện và các biến đưa vào phân tích nhân tố có ý nghĩa và mô hình nghiên cứu phù hợp với nhân tố đề ra.

***Kiểm định mức độ giải thích của các biến quan sát với nhân tố**

Nhóm tác giả cũng sử dụng phương pháp trích nhân tố là Principal components với phép quay vuông góc Varimax, kết quả tác giả cũng

rút ra được 5 nhân tố có Eigenvalues > 1 với tổng mức phương sai trích 74,229%. Điều này có nghĩa 74,229% thay đổi của nhân tố được giải thích bởi biến quan sát. Khi xoay nhân tố tất cả các biến quan sát đều thỏa mãn yêu cầu có hệ số tải nhân tố > 0,5 và không có biến quan sát nào tải lên ở cả 2 nhân tố.

4.3.2. Phân tích nhân tố khám phá thang đo ứng dụng ChatGPT trong học tập của sinh viên khoa Kinh tế và Luật, Trường Đại học Bạc Liêu

***Kiểm định KMO và Bartlett's Test**

Bảng 4 . Kiểm định KMO và Bartlett's Test cho biến phụ thuộc

KMO		0,696
Bartlett's Test of Sphericity	Approx. Chi-Square	129,096
	Df	3
	Sig.	0,000

Nguồn: Tổng hợp của nhóm tác giả từ SPSS

Kết quả kiểm định có Sig = 0,000 (thỏa mãn điều kiện Sig < 0,05) điều này chứng tỏ các biến quan sát có tương quan tuyến tính với nhân tố đại diện. Chỉ số KMO = 0,696 (thỏa mãn điều kiện) chứng tỏ các biến đưa vào phân tích nhân tố có ý nghĩa và mô hình nghiên cứu phù hợp với nhân tố đề ra.

*** Kiểm định mức độ giải thích của các biến quan sát với nhân tố**

Tương tự như phân tích nhân tố độc lập, kết quả tác giả cũng rút ra được 1 nhân tố có Eigenvalues > 1 với tổng mức phương sai trích 69,373%. Điều này có nghĩa 69,373% thay đổi của nhân tố được giải thích bởi biến quan sát. Khi xoay nhân tố tất cả các biến quan sát đều thỏa mãn yêu cầu có hệ số tải nhân tố > 0,5 và

cùng tải cho một nhân tố, thỏa mãn yêu cầu kiểm định.

4.4. Phân tích hồi quy

4.1.1. Phân tích tương quan

Chúng ta sử dụng hệ số tương quan Pearson (ký hiệu là r) để lượng hóa mức độ chặt chẽ của mối liên hệ tuyến tính giữa hai biến định lượng. Nhìn chung r được sử dụng để kiểm tra liên hệ giữa những biến định lượng và r nằm trong khoảng [-1,1] thì hai biến định lượng có mối quan hệ tuyến tính với nhau (Hoàng Trọng & Chu Nguyễn Mộng Ngọc, 2008). Nếu Sig < 0,05 thì các biến này có mối tương quan và có ý nghĩa thống kê giữa biến độc lập và biến phụ thuộc (Nguyễn Đình Thọ 2011). Bảng sau thể hiện ma trận tương quan giữa các nhân tố trong mô hình.

Bảng 5. Ma trận tương quan giữa các nhân tố

		UD	DSD	HI	CX	XH	TĐ
UD	Tương quan Pearson	1	0,523	0,446	0,377	0,298	0,340
	Sig. (2 chiều)		0,000	0,000	0,000	0,000	0,002
DSD	Tương quan Pearson	0,523	1	0,113	0,256	0,035	0,116
	Sig. (2 chiều)	0,000		0,158	0,070	0,662	0,147
HI	Tương quan Pearson	0,446	0,113	1	0,291	0,150	0,059
	Sig. (2 chiều)	0,000	0,158		0,125	0,060	0,464
CX	Tương quan Pearson	0,377	0,256	0,291	1	0,064	0,163
	Sig. (2 chiều)	0,000	0,070	0,125		0,426	0,041
XH	Tương quan Pearson	0,298	0,035	0,150	0,064	1	0,027
	Sig. (2 chiều)	0,000	0,662	0,060	0,426		0,740
TĐ	Tương quan Pearson	0,340	0,116	0,059	0,163	0,027	1
	Sig. (2 chiều)	0,002	0,147	0,464	0,041	0,740	

Nguồn: Tổng hợp của nhóm tác giả từ SPSS

Hệ số tương quan Pearson giữa các nhân tố độc lập và nhân tố phụ thuộc nằm trong khoảng [-1, 1] và các giá trị sig đều < 0,05 thỏa

mãn yêu cầu kiểm định. Điều này có nghĩa là các biến độc lập có quan hệ tương quan với biến phụ thuộc.

4.4.2. Kiểm định mức độ phù hợp của mô hình

Bảng 6. Tóm tắt mô hình

Mode	R	R ²	R ² điều chỉnh
1	0,778 ^a	0,605	0,587

Nguồn: Tổng hợp của nhóm tác giả từ SPSS

Hệ số R² điều chỉnh là thước đo phù hợp được sử dụng để đo lường mức độ phù hợp của mô hình. Kết quả phân tích hồi quy cho thấy R² điều chỉnh bằng 0,587, nghĩa là mức độ phù hợp của mô hình là 58,7%. Điều này nói lên 5

nhân tố độc lập ảnh hưởng 58,7% sự thay đổi của biến phụ thuộc. Còn lại 41,3% là do sự ảnh hưởng của các nhân tố ngoài mô hình và do sai số ngẫu nhiên.

Bảng 7. Phân tích phương sai (ANOVA)

Biến thiên	Tổng độ lệch bình phương	Df	Độ lệch bình phương bình quân	F	Sig
Hồi quy	24,005	7	3,429	32,625	0,000 ^b
Phần dư	15,661	149	0,105		
Tổng	39,666	156			

Nguồn: Tổng hợp của nhóm tác giả từ SPSS

Kiểm định F từ bảng ANOVA cho thấy giá trị thống kê F là 32,625 với giá trị Sig = 0,000 < 0,05. Như vậy, có thể kết luận rằng mô hình hồi quy bội thỏa mãn các điều kiện đánh giá.

4.4.3. Kết quả sau khi phân tích hồi quy

Dựa vào kết quả phân tích hồi quy ta có phương trình hồi quy với hệ số β chuẩn hóa như sau:

$$UD = 0,439 \times DSD + 0,291 \times HI + 0,151 \times CX + 0,276 \times XH + 0,230 \times TĐ$$

Kết quả nghiên cứu cho thấy, có 5 yếu tố ảnh hưởng đến việc ứng dụng Chat GPT trong học tập của sinh viên khoa Kinh tế và Luật, Trường Đại học Bạc Liêu bao gồm: Cảm nhận về tính dễ sử dụng, cảm nhận về tính hữu ích, cảm nhận về tính chính xác, ảnh hưởng xã hội, thái độ của sinh viên.

4.5. Thảo luận

Nhân tố cảm nhận về tính dễ sử dụng có ảnh hưởng mạnh nhất và tác động cùng chiều đến việc ứng dụng Chat GPT trong học tập của

sinh viên khoa Kinh tế và Luật, Trường Đại học Bạc Liêu ($\beta = 0,439$); giả thuyết H1 được chấp nhận. Điều này có nghĩa là ứng dụng Chat GPT càng dễ sử dụng thì sinh viên ứng dụng Chat GPT trong học tập càng cao.

Nhân tố cảm nhận về tính hữu ích tác động cùng chiều đến việc ứng dụng Chat GPT trong học tập của sinh viên khoa Kinh tế và Luật, Trường Đại học Bạc Liêu ($\beta = 0,291$); giả thuyết H2 được chấp nhận. Điều này có nghĩa là ứng dụng Chat GPT càng hữu ích thì sinh viên ứng dụng Chat GPT trong học tập càng cao.

Nhân tố cảm nhận về tính chính xác tác động cùng chiều đến việc ứng dụng Chat GPT trong học tập của sinh viên khoa Kinh tế và Luật, Trường Đại học Bạc Liêu ($\beta = 0,151$); giả thuyết H3 được chấp nhận. Điều này có nghĩa là ứng dụng Chat GPT càng chính xác thì sinh viên ứng dụng Chat GPT trong học tập càng cao.

Nhân tố ảnh hưởng xã hội tác động cùng chiều đến việc ứng dụng Chat GPT trong học tập của sinh viên khoa Kinh tế và Luật, Trường

Đại học Bạc Liêu ($\beta = 0,276$); giả thuyết H4 được chấp nhận. Điều này có nghĩa ảnh hưởng của xã hội về việc sử dụng ứng dụng Chat GPT càng lớn thì sinh viên ứng dụng Chat GPT trong học tập càng cao.

Nhân tố thái độ của sinh viên tác động cùng chiều đến việc ứng dụng Chat GPT trong học tập của sinh viên khoa Kinh tế và Luật, Trường Đại học Bạc Liêu ($\beta = 0,230$); giả thuyết H5 được chấp nhận. Điều này có nghĩa thái độ của sinh viên đối với ứng dụng Chat GPT càng tốt thì sinh viên ứng dụng Chat GPT trong học tập càng cao.

5. Kết luận và hàm ý quản trị

5.1. Kết luận

Qua quá trình phân tích về các nhân tố ảnh hưởng đến việc ứng dụng công cụ trí tuệ nhân tạo Chat GPT trong học tập của sinh viên khoa Kinh tế và Luật, Trường Đại học Bạc Liêu, bài viết đã tìm ra các yếu tố ảnh hưởng mạnh đến việc sinh viên Trường Đại học Bạc Liêu sử dụng ứng dụng này trong học tập: Cảm nhận về tính dễ sử dụng, cảm nhận về tính hữu ích, cảm nhận về tính chính xác, ảnh hưởng xã hội, thái độ của sinh viên. Hầu hết mức đánh giá của sinh viên về sự tác động của các yếu tố trong thang đo ở mức trung bình và tương đối cao. Điều này chứng tỏ các nhân tố này tác động lớn đối với việc sinh viên sử dụng ứng dụng Chat GPT trong học tập.

5.2. Hàm ý quản trị

Đối với nhà trường

Thứ nhất, nhà trường cần nâng cao hiểu biết về Chat GPT cho sinh viên, giúp sinh viên tìm hiểu về mức độ chính xác của Chat GPT bằng cách: Tổ chức các buổi tọa đàm để sinh viên hiểu được mức độ chính xác của thông tin Chat GPT cung cấp. Đồng thời cần chỉ rõ cho sinh viên hiểu và xem Chat GPT như một nguồn tài liệu tham khảo không thể thay thế cho việc đọc sách hay nghiên cứu.

Thứ hai, nhà trường cần quản lý chặt chẽ việc sinh viên chỉ dùng Chat GPT làm thông tin tham khảo, đồng thời hạn chế dùng tất cả thông tin đó để giải bài tập thay sinh viên. Trong các bài kiểm tra giảng viên cần nắm được nội dung sinh viên làm là sử dụng thông tin Chat GPT cung cấp để sáng tạo nội dung, tạo thêm tính mới, tránh tình trạng sinh viên lạm dụng Chat GPT vào học tập làm cho sinh viên trở nên lười tư duy trong việc sáng tạo nội dung học.

Thứ ba, nhà trường cần trang bị các phần mềm chống đạo văn có tích hợp tính năng nhận diện văn bản từ AI nhằm khuyến khích tính sáng tạo trong học tập của sinh viên khi dùng Chat GPT chứ không phụ thuộc hoàn toàn vào công nghệ này.

Thứ tư, nhà trường cần tập huấn nâng cao sự hiểu biết của sinh viên về Chat GPT, tổ chức các buổi giới thiệu về Chat GPT, hướng dẫn sinh viên cách sử dụng đúng cách để có hiệu quả trong việc học, tránh tình trạng sinh viên sử dụng Chat GPT sai cách dẫn đến lạm dụng Chat GPT ảnh hưởng đến hiệu quả học tập. Hướng dẫn cho sinh viên về cách đặt câu hỏi rõ ràng, cụ thể để nhận được nguồn thông tin đầy đủ và cụ thể nhất, nhắc nhở sinh viên luôn kiểm tra thông tin khi Chat GPT cung cấp trước khi đưa vào sử dụng.

Đối với sinh viên

- *Thứ nhất*, Chat GPT OpenAI có thể trả lời các câu hỏi liên quan đến nhiều lĩnh vực khác nhau, tuy nhiên, sinh viên cần phải kiểm tra nguồn tin trước khi sử dụng các câu trả lời của Chat GPT. Nếu câu trả lời của Chat GPT OpenAI không đầy đủ hoặc chưa chính xác thì nên tìm kiếm thông tin từ các nguồn tin khác để đảm bảo tính chính xác và đầy đủ của thông tin.

- *Thứ hai*, sinh viên cần sử dụng công nghệ này như một công cụ hỗ trợ, không phải nguồn duy nhất và phải chắc chắn rằng sinh viên có thể làm chủ được công cụ này, biết cách khai thác

nội dung từ đây thay vì chép nguyên kết quả mà Chat GPT tạo ra. Việc tra cứu thông tin có thể thực hiện trên nhiều nguồn, nhiều công cụ khác nhau để đảm bảo tính khách quan của thông tin.

- *Thứ ba*, đặt câu hỏi cụ thể và rõ ràng vì nếu biết cách đặt câu hỏi cụ thể và chi tiết, bởi dựa vào những thông tin nhập vào, Chat GPT mới có thể tổng hợp được câu trả lời đáp ứng nguyện vọng của sinh viên. Tránh đặt những câu hỏi mơ hồ, chung chung để không đưa Chat GPT vào thế đoán và bạn cũng không có phần trả lời sát nghĩa.

- *Thứ tư*, sinh viên không chia sẻ thông tin cá nhân, tài khoản hoặc các dữ liệu nhạy cảm trong quá trình sử dụng Chat GPT để bảo vệ thông tin cá nhân, tránh bị các đối tượng xấu lợi dụng, sử dụng cho mục đích sai trái.

- *Thứ năm*, sinh viên cần biết cách tận dụng, khai thác khả năng sáng tạo: Biết cách sử dụng, biết khai thác đề tài và câu hỏi sẽ giúp làm chủ được công cụ này. Đặc biệt với nguồn tài

nguyên khổng lồ mà Chat GPT sở hữu sẽ mang lại rất nhiều hữu ích trong việc đưa ra những ý tưởng sáng tạo cho sinh viên.

Chat GPT có khả năng mang lại nhiều lợi ích cho sinh viên, song cũng tiềm ẩn những rủi ro đáng kể. Khi công nghệ AI tiếp tục phát triển mạnh trong cuộc cách mạng công nghệ 4.0, điều quan trọng là cần cân nhắc cẩn thận những lợi ích và hạn chế của việc sử dụng Chat GPT để giảm bớt rủi ro từ việc phụ thuộc vào AI.

Hàm ý quản trị giúp trường Đại học Bạc Liêu đưa ra các giải pháp giúp sinh viên sử dụng ứng dụng công nghệ cao Chat GPT trong học tập một cách hiệu quả và hợp lý, phát huy những ưu điểm và khắc phục những hệ lụy do ứng dụng này mang lại trong học tập của sinh viên. Bài viết cũng giúp cho các nhà nghiên cứu có định hướng nghiên cứu về vấn đề này tại các trường học hoặc nghiên cứu về các giải pháp nhằm giúp sinh viên sử dụng ứng dụng Chat GPT trong học tập một cách tối ưu nhất từ kết quả của nghiên cứu này.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Hoàng Trọng, Chu Nguyễn Mộng Ngọc (2008), *Phân tích dữ liệu và nghiên cứu với SPSS*, Nhà xuất bản Lao động - Xã hội, tập 1-2.
- Nguyễn Đình Thọ (2011), *Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh*, Nhà xuất bản Tài chính.
- Nunnally JC and Burnstein IH (1994), *Psychometric Theory*, 3rded, NewYork: McGraw - Hill
- Hana Trương (2023), ChatGPT và giáo dục: Tổng quan tình hình nghiên cứu trên thế giới và Việt Nam. Truy cập từ: <https://doi.org/10.35542/osf.io/cnze6>
- Nguyễn Thị Phước (2023), *Sử dụng Chat GPT làm công cụ hỗ trợ trong việc dạy và học ngành truyền thông*, Tạp chí Khoa học Trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng, 25, 95-100, tháng 9/2023.
- Greeni Maheshwari (2023), *Các yếu tố ảnh hưởng đến ý định chấp nhận và sử dụng Chat GPT của sinh viên trong giáo dục đại học: Nghiên cứu trong bối cảnh Việt Nam*, Tạp chí Education and Information Technologies (Giáo dục và Công nghệ thông tin). Truy cập từ: <https://www.rmit.edu.vn/vi/tin-tuc/tat-ca-tin-tuc/2023/dec/noi-ai-va-hoc-thuat-giao-thoa-mot-nghien-cuu-ve-chatgpt-tai-viet-nam>.
- T. H. Kung et al., *Performance of ChatGPT on USMLE: Potential for AI. Assisted Medical Education*

Using Large Language Models, medRxiv, p. 2022.12.19.22283643, 2022.

Đặng Văn Em, Nguyễn Đình Loan Phương, Nguyễn Thị Hào (2024), *Thực trạng ứng dụng Chat GPT trong việc học tập nghiên cứu của sinh viên Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh*, Tạp chí Giáo dục, 24(1), 36 - 41.

Phạm Thị Thanh Trúc (2024), *Các yếu tố ảnh hưởng đến việc ứng dụng Chat GPT trong học tập của sinh viên khối ngành Kinh tế, Luật*, Tạp chí Kinh tế và dự báo, tháng 10/2024.

Thái Thị Cẩm Trang (2023), *Thái độ và kỳ vọng của sinh viên sư phạm tiếng anh đối với chat GPT*, Nghiên cứu tại trường đại học sư phạm Hà Nội, Tạp chí Giáo dục, 23(10), 51-56.

Nguyễn Thị Liệu (2024), *Phân tích một số nhân tố về mục đích và thái độ của sinh viên trong việc sử dụng trí tuệ nhân tạo Chat GPT*, Hội thảo khoa học “tổ chức dạy và học đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo”, tháng 4/2024.

Nguyễn Phúc Quân (2023), *Chat GPT hỗ trợ khả năng tự học và phát triển năng lực số cho thanh niên*, Kỷ yếu hội thảo khoa học Cán bộ trẻ các đại học quốc gia, đại học vùng mở rộng lần thứ II, năm 2023.